

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
THÀNH PHỐ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1258/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25.9.2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Thanh Bình

2/ Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 30/6A ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tường Đ, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: 30/6A ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2017, Bản tự khai ngày 23/5/2017, Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 14/8/2017, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011 bà và ông Đ tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, thành phố T vào ngày 05/12/2011.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng địa chỉ 30/6A ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố T. Đến đầu năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn nên bà chuyển về nhà cha mẹ ruột tại 61/6B ấp 1, xã N, huyện H, Thành phố T sinh sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Đức ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đức không thay đổi. Mặt khác, phía gia đình chồng lại không

quan tâm, tôn trọng và yêu thương mẹ con bà khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và ông bà cũng đã ly thân từ tháng 2/2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương ông Đ nữa. Do đó, bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: ông bà có 01 con chung tên: Nguyễn Tường Y, sinh ngày 26/9/2013. Hiện tại, trẻ Y đang sống với bà nên bà có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tường Đ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập nhưng ông Đ không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Tường Đ vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu và về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Võ Thị Hồng T; Về con chung: chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Y của bà T; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: do bà T không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tường Đ. Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn”, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Tường Đ hiện đang cư trú, sinh sống tại huyện H, Thành phố T, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/9/2017 nhưng ông Đ vắng mặt, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 25/9/2017 nhưng hôm nay ông Đ vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Hồng T sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của bà T không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án và phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Hồng T và ông Nguyễn Tường Đ:

Vào năm 2011 bà T và ông Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, Thành phố T ngày 05/12/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông Đ chung sống hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2017 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Đ ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi. Mặt khác, phía gia đình cha mẹ ruột ông Đ lại không quan tâm, tôn trọng và yêu thương mẹ con bà khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và ông bà cũng đã ly thân từ tháng 2/2017 đến nay. Hiện tại, bà không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương ông Đ nữa nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Tường Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Ông Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Đ phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bà T về mâu thuẫn vợ chồng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T và ông Đ có 01 con chung là trẻ Nguyễn Tường Y, sinh ngày 26/9/2013. Hiện trẻ Y đang sống với bà T nên bà T xin được trực

tiếp nuôi dưỡng trẻ Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trẻ Y còn đang rất nhỏ nên cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo ổn định về mặt tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của trẻ về mọi mặt nên xét yêu cầu của bà T xin được trực tiếp nuôi trẻ Y là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Tường Đ.

2/ Về con chung: 01 trẻ tên Nguyễn Tường Y, sinh ngày 26/9/2013.

Sau ly hôn, giao trẻ Nguyễn Tường Y cho bà Võ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Tường Đ cho đến khi bà Võ Thị Hồng T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Võ Thị Hồng T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030507 ngày

31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.T;
- VKSND H.H;
- Cơ quan THADS H.H;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mỹ Linh**